



STT	Tên, địa chỉ nhà ở (*)	Tỉnh, thành phố (*)	Xã, phường, đặc khu (*)	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trước khi đổi dư (*)	Diện tích đất (m2) (*)	Nguyên giá đất (đồng)	Diện tích sàn xây dựng nhà (m2) (*)	Nguyên giá nhà (đồng)	GTCL nhà (đồng)	Mục đích sử dụng trước khi đổi dư (*)	Hiện trạng nhà, đất trước khi xử lý (*)	Mã đơn vị người ra quyết định bước 1 (*)	Số, ký hiệu Quyết định xử lý bước 1 (*)	Ngày Quyết định xử lý bước 1 (*)	Hình thức xử lý bước 1 (*)	Tình trạng xử lý bước 1 (*)	Ngày hoàn thành xử lý bước 1	Mục đích sử dụng sau khi xử lý	Số tiền dự kiến thu được từ xử lý (đồng/năm)	Đơn vị tiếp nhận nhà, đất	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	
1	Nhà làm việc UBND, bếp ăn, kho chứa của xã Ba Giang (Thôn nước Lô cũ) nay là thôn Ba Nhà	T48 Quảng Ngãi	21499 - Xã Ba Dinh	UBND xã Ba Giang	2.140,6	256.872.000	683,235	3.697.407.783	39.920.000	Trụ sở làm việc	Bỏ trống							Khác		T48079007	Ngày 03/9/2026, UBND xã ban hành Công văn số 1737/UBND-TTCUDVC về việc đề nghị điều chỉnh đưa 04 cơ sở nhà, đất tại khu có nguy cơ sạt lở cao và khu đẩy dự phòng ra khỏi danh mục nhà, đất đổi dư, trong thời gian chờ ý kiến của Sở Tài chính, UBND xã vẫn để các cơ sở nhà đất vào phần mềm tài sản đổi dư, sau khi có Quyết định của UBND tỉnh, UBND xã sẽ loại bỏ 05 cơ sở này ra khỏi phần mềm theo dõi tài sản đổi dư
2	Trường Mầm non Ba Giang (Thôn Nước Lô cũ) nay là thôn Ba Nhà	T48 Quảng Ngãi	21499 - Xã Ba Dinh	Trường Mầm non Ba Giang	1,645	197.400.000	322	2.872.081.000	1.224.889.883	Cơ sở giáo dục	Bỏ trống							Khác		T48079007	
3	Trường PTDTBT TH&THCS Ba Giang (Thôn Nước Lô cũ) nay là thôn Ba Nhà	T48 Quảng Ngãi	21499 - Xã Ba Dinh	Trường PTDTBT TH&THCS Ba Giang	3,700	444.000.000	1,802	2.884.694.000	398.018.170	Cơ sở giáo dục	Bỏ trống							Khác		T48079007	
4	Trạm Y tế xã Ba Dinh (Thôn Nước Lô, xã Ba Giang cũ) nay là thôn Ba Nhà	T48 Quảng Ngãi	21499 - Xã Ba Dinh	Trạm Y tế xã Ba Giang	1,220	146.400.000	262	1.451.330.000	-	Cơ sở y tế	Bỏ trống							Khác		T48079007	
5	Khu đất dự phòng (thuộc Trung tâm hành chính xã Ba Giang) thôn Ba Nhà	T48 Quảng Ngãi	21499 - Xã Ba Dinh	UBND xã Ba Giang	8.925,3	892.530.000	0	-	-	Khác	Khác							Khác		T48079007	
6	Điểm trường thôn Ba Nhà (Trường PTDTBT TH và THCS Ba Giang)	T48 Quảng Ngãi	21499 - Xã Ba Dinh	Trường PTDTBT TH và THCS Ba Giang	624	19.968.000	110	34.740.000	11.568.420	Cơ sở giáo dục	Bỏ trống							Khác	9.888.890	T48079007	
7	Điểm trường thôn Kách Lang (Làng Măng cũ - Trường Mầm non Ba Dinh)	T48 Quảng Ngãi	21499 - Xã Ba Dinh	Trường Mầm non Ba Dinh	440,2	14.086.400	56	80.000.000	-	Cơ sở giáo dục	Bỏ trống							Khác	6.839.280	T48079007	
8	Điểm trường thôn Kách Lang (Trường tiểu học Ba Dinh)	T48 Quảng Ngãi	21499 - Xã Ba Dinh	Trường tiểu học Ba Dinh	567	18.144.000	66,56	288.000.000	-	Cơ sở giáo dục	Bỏ trống							Khác	24.551.987	T48079007	
9	Điểm trường thôn Ká La (Nước Tiên cũ - Trường Mầm non Ba Dinh)	T48 Quảng Ngãi	21499 - Xã Ba Dinh	Trường Mầm non Ba Dinh	351,8	22.515.200	75,2	561.546.098	74.629.476	Cơ sở giáo dục	Bỏ trống							Khác	63.569.493	T48079007	
10	Điểm trường thôn Nước Lang (Trường Mầm non Ba Dinh)	T48 Quảng Ngãi	21499 - Xã Ba Dinh	Trường Mầm non Ba Dinh	604,2	19.334.400	35	150.000.000	19.935.000	Cơ sở giáo dục	Bỏ trống							Khác	17.008.985	T48079007	
11	Điểm trường thôn Bà Nhà-Gò Lút	T48 Quảng Ngãi	21499 - Xã Ba Dinh	Trường PTDTBT TH và THCS Ba Giang	500	16.000.000	-	-	-	Cơ sở giáo dục	Bỏ trống							Khác		T48079007	
12	Điểm trường thôn Bà Nhà-Gò Xuyên	T48 Quảng Ngãi	21499 - Xã Ba Dinh	Trường PTDTBT TH và THCS Ba Giang	500	16.000.000	-	-	-	Cơ sở giáo dục	Bỏ trống							Thiết chế văn hóa		T48079007	
13	Điểm trường thôn Gò Khôn	T48 Quảng Ngãi	21499 - Xã Ba Dinh	Trường PTDTBT TH và THCS Ba Giang	720	23.040.000	-	-	-	Cơ sở giáo dục	Bỏ trống							Mục đích công cộng		T48079007	

(Tổng cộng: 13 cơ sở)

	Địa chỉ (2): Số nhà, đường phố/ tổ, thôn, xóm
	Nguyên giá nhà (9), giá trị còn lại nhà (10): Trường hợp cơ sở có nhiều ngôi nhà thì tính tổng nguyên giá, giá trị còn lại của các ngôi nhà để điền thông tin
	Giá trị còn lại nhà (10): Theo thông tin giá trị còn lại tại Quyết định xử lý (đối với nhà, đất đã có QĐ xử lý) hoặc tại thời điểm 31/12/2025 (đối với nhà, đất
	Cột (7), (9), (10) không bắt buộc nhập
	Đơn vị ra quyết định xử lý bước 1 (*) (13): Điền mã đơn vị ra quyết định xử lý bước 1 (theo mã đơn vị trên Phần mềm Tổng kiểm kê)
	Hình thức xử lý bước 1 (16): Trường hợp điều chuyển kết hợp chuyển đổi công năng thì chọn hình thức "điều chuyển"
	Ngày hoàn thành xử lý bước 1 (18):
	Thanh lý: Ngày ký Biên bản phá dỡ, hủy bỏ
	Điều chuyển: Ngày ký Biên bản bàn giao, tiếp nhận
	Thu hồi: Ngày ký Biên bản bàn giao, tiếp nhận
	Chuyển giao về địa phương: Ngày ký Biên bản bàn giao, tiếp nhận với đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận
	Chuyển đổi công năng: Ngày đưa vào sử dụng theo công năng mới
	Mục đích sử dụng sau khi xử lý, khai thác (19): Trường hợp hình thức xử lý là thanh lý, thu hồi, chuyển giao về địa phương thì không phải chọn thông tin
	Số tiền dự kiến thu được từ xử lý (20): Kê khai theo tổng số tiền dự kiến thu được từ xử lý tài sản
	Đơn vị tiếp nhận nhà, đất (21): Kê khai trong trường hợp đã hoàn thành xử lý bước 1 theo hình thức thu hồi hoặc chuyển giao (điền mã đơn vị xử lý bước 2a theo mã đơn vị trên Phần mềm Tổng kiểm kê). Đối với Bộ, cơ quan trung ương đã hoàn thành xử lý bước 1 theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì điền mã Đơn vị tiếp nhận nhà, đất theo mã tỉnh/ thành phố

STT	Tỉnh/ Thành phố	Mã PM Tổng kiểm kê
25	Tỉnh Quảng Ngãi	T48
26	Tỉnh Quảng Ninh	T49
27	Tỉnh Quảng Trị	T50
28	Tỉnh Sơn La	T52
29	Tỉnh Tây Ninh	T53
30	Tỉnh Thái Nguyên	T55
31	Tỉnh Thanh Hóa	T56
32	Thành phố Huế	T57
33	Tỉnh Tuyên Quang	T60
34	Tỉnh Vĩnh Long	T61